

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

- 1. Nguyễn Hoàng** - Chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững: Động lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp Việt Nam. *Mã số: 195.1SMET.11* 3

*Digital transformation and commitment to sustainable development: The driving force of innovation for Vietnamese businesses*

- 2. Nguyễn Trần Hưng** - Hiệu quả quản lý nhà nước đối với bán lẻ trực tuyến tại Việt Nam - nghiên cứu từ các doanh nghiệp bán lẻ. *Mã số: 195.1TrEM.11* 15

*State Management Effectiveness of Online Retail in Vietnam - Research at Retail Enterprises*

- 3. Hà Thị Cẩm Vân, Vũ Thị Thanh Huyền, Lê Mai Trang, Trần Việt Thảo và Nguyễn Thị Thu Hiền** - Đo lường khoảng cách về năng suất giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa ngành công nghiệp chế biến chế tạo Việt Nam. *Mã số: 195.1HIEM.11* 39

*Measuring the Productivity Gap Between FDI and Domestic Enterprises in the Vietnam's Manufacturing Industry*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

- 4. Nguyễn Minh Nhật và Đào Lê Kiều Oanh** - Mức độ hiệu quả của các mô hình học máy tree-based trong phát hiện giao dịch gian lận thẻ tín dụng. *Mã số: 195.2FiBa.21* 57

*The Effectiveness of Tree-Based Machine Learning Models in Detecting Credit Card Fraud Transactions*

- 5. Lê Nguyễn Diệu Anh** - Nghiên cứu tác động của rào cản xuất khẩu đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. *Mã số: 195.2IBMg.21* 72  
*Research on the Impact of Export Barriers Affecting the Organizational performance of Vietnamese Export Enterprise*
- 6. Trần Văn Khởi** - Nghiên cứu năng lực văn hóa của người lao động tại các khu công nghiệp ở Việt Nam. *Mã số: 195.2HRMg.21* 85  
*The study of the cultural competence of workers in industrial zones in Vietnam*
- 7. Bùi Thị Thanh, Phan Quốc Tấn, Lê Công Thuận và Phạm Tô Thục Hân** - Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua triển khai kinh tế tuần hoàn. *Mã số: 195.2DEco.21* 98  
*Enhancing Firm Performance Through Implementing Circular Economy*

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

---

- 8. Nguyễn Quỳnh Anh** - Hoàn thiện quản lý chính sách về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại Việt Nam. *Mã số: 195.3SMET.31* 110  
*Enhancing Policy Management for Consumer Protection in Vietnam*

# CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: ĐỘNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

**Nguyễn Hoàng**  
Trường Đại học Thương mại  
Email: nguyenhoang@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 24/07/2024

Ngày nhận lại: 18/10/2024

Ngày duyệt đăng: 23/10/2024

Bài viết phân tích tác động của chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững đến đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Việt Nam. Sử dụng phương pháp phân tích hồi quy với mẫu nghiên cứu 362 doanh nghiệp, kết quả cho thấy chuyển đổi số có ảnh hưởng tích cực đến đổi mới sáng tạo, trong khi các nỗ lực phát triển bền vững có thể gây ra những hạn chế nhất định trong ngắn hạn. Tuy nhiên, hai yếu tố này tích hợp tạo ra tác động cộng hưởng tích cực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Phát hiện này mang lại góc nhìn mới cho các doanh nghiệp Việt Nam, khẳng định vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao đổi mới sáng tạo, đồng thời khuyến khích theo đuổi phát triển bền vững nhằm tạo nên lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong dài hạn. Từ kết quả này, bài viết đề xuất một số hàm ý quản trị đối với các doanh nghiệp Việt Nam và chính sách đối với Chính phủ và các cơ quan hữu quan trong thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, Việt Nam.

**JEL Classifications:** O31, O32, M15

**DOI:** 10.54404/JTS.2024.195V.01

## 1. Mở đầu

Chuyển đổi số và phát triển bền vững là hai xu hướng quan trọng, đang định hình sâu sắc cách thức vận hành và cạnh tranh của các doanh nghiệp trong kỷ nguyên số ngày nay. Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là ứng dụng công nghệ vào quá trình sản xuất và quản lý, mà còn là một cuộc cách mạng toàn diện về cách thức doanh nghiệp vận hành, tiếp cận khách hàng và phát triển thị

trường, từ đó mở ra nhiều cơ hội đề doanh nghiệp nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa quy trình và chuyển đổi mô hình kinh doanh (Verhoef, 2021; Nguyễn Kim Thảo và Lê Thị Hồng Minh, 2022). Trong khi đó, những vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và bất bình đẳng xã hội đang đặt ra các thách thức to lớn, buộc doanh nghiệp phải thay đổi chiến lược và hành động theo hướng phát triển bền vững (Ardito và cộng sự, 2021).

Để thích ứng với các xu hướng này, nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã xây dựng chiến lược chuyển đổi số quốc gia và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp. Trong bối cảnh này, đổi mới sáng tạo được xem là yếu tố cốt lõi giúp doanh nghiệp thích nghi và duy trì lợi thế cạnh tranh. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thông qua khai thác dữ liệu lớn, tối ưu hóa các quy trình và đẩy nhanh tốc độ ra quyết định (Liu và cộng sự, 2021). Mặt khác, cam kết phát triển bền vững cũng tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, đặc biệt trong phát triển sản phẩm và xây dựng quy trình thân thiện với môi trường, đồng thời mang lại giá trị cho các bên liên quan (Nidumolu và cộng sự, 2009; Đoàn Bảo Sơn và cộng sự, 2023).

Một số học giả gần đây đã đề cập đến tiềm năng đột phá thúc đẩy sáng tạo trong doanh nghiệp khi khai thác kết hợp chuyển đổi số và phát triển bền vững (Ardito và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, các nghiên cứu tại Việt Nam về chủ đề này vẫn còn khá hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu chỉ tập trung vào phân tích riêng lẻ vai trò của ứng dụng công nghệ hoặc trách nhiệm xã hội đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu này được tiếp cận khoảng trống đó, làm rõ tác động riêng lẻ và công hưởng của chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững đến đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt Nam. Từ đó, góp phần củng cố cơ sở lý thuyết và đưa ra các hàm ý quản trị cho doanh nghiệp và các cơ quan hoạch định chính sách nhằm

thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Vai trò của chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Chuyển đổi số, theo Verhoef và cộng sự (2021), là quá trình thay đổi tổ chức sâu rộng, thông qua việc áp dụng công nghệ và các mô hình kinh doanh kỹ thuật số, nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Có thể hiểu chuyển đổi số là ứng dụng công nghệ nhằm xây dựng các mô hình kinh doanh mới, quy trình và hệ thống, với mục tiêu tăng doanh thu, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tối ưu hóa hiệu suất. Một cách khái quát, chuyển đổi số là quá trình tích hợp toàn diện công nghệ số vào mọi hoạt động của doanh nghiệp, dẫn đến những thay đổi căn bản trong cách thức vận hành, tương tác với khách hàng và tạo ra giá trị cho các bên liên quan, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời đại số.

Chuyển đổi số không chỉ tạo điều kiện thuận lợi mà còn thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua nhiều cơ chế khác nhau. Ardito và cộng sự (2021) chỉ ra rằng ứng dụng công nghệ số giúp doanh nghiệp thu thập và xử lý một lượng lớn dữ liệu từ thị trường và khách hàng một cách nhanh chóng và chính xác. Từ đó cho phép doanh nghiệp nắm bắt được các xu hướng mới, dự đoán nhu cầu thị trường và tối ưu hóa các quy trình phát triển sản phẩm một cách hiệu quả hơn. Các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data) và điện toán đám mây (cloud computing) cũng nâng cao khả năng truyền thông nội bộ và kết nối với các đối tác bên ngoài, từ đó thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo. Đồng thời, chuyển

đổi số tăng cường khả năng kết nối và hợp tác giữa các phòng ban trong doanh nghiệp, tạo ra một môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả công việc mà còn nâng cao khả năng sáng tạo, thúc đẩy việc phát triển các sản phẩm và quy trình mới (Phùng Anh, 2022). Azar và Ciabuschi (2017) chỉ ra rằng chuyển đổi số tạo ra một môi trường linh hoạt, cho phép doanh nghiệp thử nghiệm và điều chỉnh các ý tưởng đổi mới nhanh chóng mà không bị giới hạn bởi các rào cản về công nghệ hay quy trình. Tính linh hoạt này giúp các doanh nghiệp tiến hành các thử nghiệm sáng tạo với chi phí thấp và rủi ro giảm thiểu, từ đó thúc đẩy khả năng sáng tạo.

Từ những lý luận trên đây, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất về tác động tích cực của chuyển đổi số thúc đẩy sáng tạo đổi mới trong doanh nghiệp:

**Giả thuyết H1:** *Chuyển đổi số có tác động tích cực đến sáng tạo đổi mới trong doanh nghiệp.*

## **2.2. Vai trò của cam kết phát triển bền vững trong doanh nghiệp**

Cam kết phát triển bền vững của doanh nghiệp được cụ thể hóa qua việc tích hợp các mục tiêu bền vững vào chiến lược và vận hành thường niên. Cam kết này thể hiện quyết tâm của doanh nghiệp trong việc lồng ghép các ưu tiên môi trường vào mọi khía cạnh của hoạt động, bao gồm cả chiến lược và quy trình đổi mới (Banerjee, 2002). Các học giả cũng nhận định rằng thực hiện cam kết phát triển bền vững cũng có tác động tích cực đến khả năng đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp thông qua nhiều cơ chế khác nhau. Cụ thể:

Theo Cheng (2020), doanh nghiệp khi cam kết các mục tiêu bền vững như giảm phát thải carbon và tối ưu hóa tài nguyên, sẽ phải tìm

kiếm các giải pháp sáng tạo để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ thị trường và các tiêu chuẩn này. Điều này đòi hỏi phải tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), nhằm tạo ra các sản phẩm và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, không chỉ đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững mà còn phát triển các ý tưởng đổi mới có tính cạnh tranh (Đoàn Bảo Sơn và cộng sự, 2023). Ardito và cộng sự (2016) cũng chỉ ra rằng cam kết phát triển bền vững mở ra những cơ hội mới cho doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo. Khi người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến tính bền vững của sản phẩm, doanh nghiệp có thể phát triển các sản phẩm “xanh”, dịch vụ tái chế hoặc công nghệ sạch để đáp ứng nhu cầu này. Sự chuyển đổi này tạo ra áp lực đổi mới liên tục, nhằm đáp ứng mong đợi của khách hàng và tạo ra sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh.

Vì thế, cam kết phát triển bền vững không chỉ là phản ứng với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và môi trường, mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao khả năng cạnh tranh và khả năng thích ứng của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại. Giả thuyết thứ hai được đề xuất như sau:

**Giả thuyết H2:** *Thực hiện cam kết phát triển bền vững có tác động tích cực đến sáng tạo đổi mới trong doanh nghiệp.*

## **2.3. Tác động cộng hưởng của chuyển đổi số và thực hiện cam kết phát triển bền vững trong doanh nghiệp**

Doanh nghiệp thực hiện kết hợp chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững có thể hưởng thụ tác động cộng hưởng tích cực đến đổi mới sáng tạo, vì cả hai yếu tố đều thúc đẩy doanh nghiệp không ngừng tìm kiếm và triển khai các giải pháp sáng tạo. Chuyển đổi số

cung cấp các công cụ mạnh mẽ để quản lý dữ liệu, tự động hóa quy trình và tối ưu hóa hiệu suất, trong khi cam kết phát triển bền vững yêu cầu doanh nghiệp áp dụng những phương pháp tiên tiến để giải quyết các thách thức về môi trường và xã hội. Khi kết hợp, chuyển đổi số không chỉ giúp doanh nghiệp dễ dàng tích hợp các mục tiêu bền vững vào chiến lược kinh doanh mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo bằng cách tận dụng sức mạnh công nghệ để phát triển những giải pháp bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Hiệu ứng cộng hưởng giữa chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững thể hiện rõ qua việc chuyển đổi số giúp doanh nghiệp phát triển các sản phẩm và quy trình sản xuất bền vững một cách hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng đòi hỏi cao về tính bền vững. Công nghệ số cho phép doanh nghiệp dễ dàng theo dõi, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững, từ việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên đến việc giảm thiểu lãng phí và khí thải. Đồng thời, tác động cộng hưởng này còn tạo ra một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn diện trong doanh nghiệp, khi cả hai yếu tố này cùng tương hỗ và tăng cường lẫn nhau. Chuyển đổi số cung cấp nền tảng công nghệ, dữ liệu và

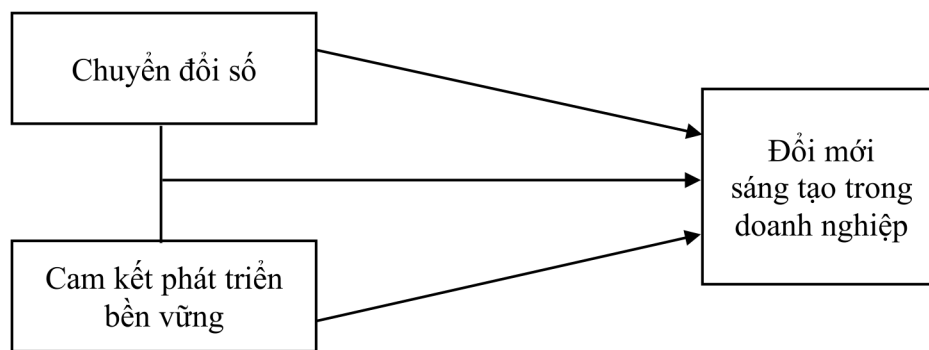
khả năng phân tích mạnh mẽ, trong khi cam kết phát triển bền vững giúp định hướng các sáng kiến đổi mới sáng tạo theo hướng có trách nhiệm với xã hội và môi trường. Sự phối hợp này không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn giúp doanh nghiệp xây dựng uy tín thương hiệu bền vững, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư và khách hàng tiềm năng (Ardito và cộng sự, 2021). Do đó, vận hành kết hợp hai yếu tố này mang lại lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo liên tục trong doanh nghiệp. Ứng dụng quan điểm này, bài viết đề xuất giả thuyết thứ ba như sau:

**Giả thuyết H3:** *Chuyển đổi số và thực hiện cam kết phát triển bền vững có tác động cộng hưởng tích cực đến sáng tạo đổi mới trong doanh nghiệp.*

Từ những lý luận phân tích trên đây, mô hình nghiên cứu lý thuyết được xây dựng như sau (hình 1):

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, phương pháp phân tích hồi quy được triển khai để kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu về tác động riêng lẻ cũng như cộng hưởng của chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững đến đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt Nam. Phương pháp này cho phép đánh giá mức độ



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

**Hình 1:** Mô hình nghiên cứu lý thuyết

và hướng tác động của các biến độc lập (chuyên đổi số và cam kết phát triển bền vững) đến biến phụ thuộc (đổi mới sáng tạo), từ đó xác định sự ảnh hưởng trực tiếp và cộng hưởng của hai yếu tố này trong mô hình. Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu được xây dựng từ các công trình đã công bố, được kiểm định bằng phân tích khẳng định (CFA) với hệ số Cronbach's Alpha và kiểm định KMO & Bartlett, đảm bảo rằng các kết quả phân tích có tính chính xác và đáng tin cậy.

Mô hình hồi quy được xây dựng với 2 biến độc lập thực trạng chuyển đổi số và thực thi cam kết phát triển bền vững của doanh nghiệp, 1 biến tương tác của 2 biến độc lập này và 2 biến kiểm soát tuổi và quy mô nhân

sự nhằm phân tích tác động đến biến phụ thuộc đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Việt Nam. Cụ thể như sau:

$$\text{ĐMST} = a_0 + a_1 \cdot \text{CĐS} + a_2 \cdot \text{PTBV} + a_3 \cdot \text{CĐS} \cdot \text{PTBV} + a_4 \cdot \text{TUOI} + a_5 \cdot \text{QMLĐ} + \varepsilon$$

Với:

ĐMST: Thực trạng đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp;

$a_0, a_1, \dots, a_5$ : các hệ số cần tìm;

CĐS, PTBV: là thực trạng chuyển đổi số và thực thi cam kết phát triển bền vững của doanh nghiệp;

TUOI, QMLĐ: là các biến kiểm soát về đặc điểm doanh nghiệp về tuổi đời và quy mô lao động của doanh nghiệp;

$\varepsilon$ : sai số chuẩn.

**Bảng 1:** Mẫu khảo sát điều tra

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
<i>Năm thành lập</i>	326	100%	<i>Quy mô lao động</i>	326	100%
< 1 năm	88	26.99%	Dưới 10 LĐ	56	17.18%
1 - 3 năm	98	30.06%	10 - 49 LĐ	89	27.30%
3 - 5 năm	59	18.10%	50 - 99 LĐ	87	26.69%
4 - 10 năm	39	11.96%	100 - 199 LĐ	76	23.31%
> 10 năm	42	12.88%	Từ 200 LĐ trở lên	18	5.52%
<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	326	100%	<i>Quy mô doanh thu</i>	326	100%
Nông nghiệp	83	25.46%	Dưới 1 tỷ	53	16.26%
Thương mại - dịch vụ	134	41.10%	1 - 10 tỷ	70	21.47%
Xây dựng	74	22.70%	10 - 50 tỷ	104	31.90%
Công nghiệp	31	9.51%	50 - 100 tỷ	61	18.71%
Khác	4	1.23%	Trên 100 tỷ	38	11.66%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

**Bảng 2:** Bộ thang đo và kiểm định thang đo các biến nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Cronbach's Alpha	Kiểm định KMO & Bartlett	Bình phương trích xuất của thành tố thứ nhất	Nguồn tác giả
<i>Thực trạng chuyển đổi số</i>	CĐS	0,840	0,712 (Sig, =0,000)	68,073 (%)	Ardito và cộng sự (2021); Azar và Ciabuschi (2017); Liu và cộng sự (2021)
- Ứng dụng công nghệ số trong xuất kinh doanh thường niên	CĐS1				
- Ứng dụng công nghệ số trong kết nối và quản lý khách hàng	CĐS2				
- Ứng dụng công nghệ số trong quản trị chuỗi cung ứng	CĐS3				
- Mức độ tích hợp các công nghệ số mới trong doanh nghiệp	CĐS4				
<i>Thực hiện cam kết phát triển bền vững</i>	PTBV	0,850	0,766 (Sig, =0,000)	69,407 (%)	Cheng (2020); Ardito và cộng sự (2021); Azar và Ciabuschi (2017)
- Các hành động bền vững trong cung cấp sản phẩm/dịch vụ ra thị trường	PTBV1				
- Các hành động bền vững về sức khỏe và quyền lợi của người lao động	PTBV2				
- Đóng góp vào các hoạt động phát triển bền vững cho cộng đồng	PTBV3				
- Thực hiện bảo vệ và tôn trọng quyền con người trong sản xuất kinh doanh	PTBV4				
<i>Đổi mới sáng tạo</i>	ĐMST	0,920	0,788 (Sig, =0,000)	80,695 (%)	Ardito và cộng sự (2021); Cheng (2020)
- Đổi mới sáng tạo công nghệ	ĐMST1				
- Đổi mới sáng tạo sản phẩm	ĐMST2				
- Đổi mới sáng tạo quy trình	ĐMST3				
- Đổi mới sáng tạo marketing	ĐMST4				

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)



Bảng hỏi điều tra với bộ thang đo được xây dựng dựa trên từ các nghiên cứu trước đó, đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ trong đo lường các biến nghiên cứu. Bảng hỏi được gửi ngẫu nhiên qua thư điện tử và bưu điện đến các doanh nghiệp Việt Nam, lấy thông tin từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Sau khi thu thập, các bảng hỏi được xử lý và lọc kỹ càng nhằm loại bỏ những bảng hỏi thiếu dữ liệu quan trọng hoặc không hợp lệ. Kết quả, có tổng cộng 326 bảng hỏi hợp lệ được sử dụng, tạo thành mẫu nghiên cứu đáng tin cậy cho phân tích và kiểm định các giả thuyết đề xuất trong nghiên cứu này.

Về đặc điểm mẫu, các doanh nghiệp mới có thời gian hoạt động từ 1 đến 3 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất với 30,06%. Xét về quy mô lao động, đa phần từ 10 đến dưới 200 lao động, phản ánh phần lớn các doanh nghiệp tham gia khảo sát điều tra là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Về ngành nghề kinh doanh, thương mại - dịch vụ chiếm ưu thế với 41,10%, cho thấy sự tập trung mạnh vào lĩnh vực này. Về quy mô doanh thu, các doanh nghiệp có doanh thu dưới 50 tỷ đồng chiếm phần lớn (53,37%), thể hiện mức doanh thu trung bình khá của các doanh nghiệp tham gia khảo sát.

Kết quả kiểm định thang đo nghiên cứu trong bảng cho thấy các chỉ số Cronbach's Alpha của các biến đều lớn hơn 0,7 (cụ thể là CDS: 0,840; PTBV: 0,850; ĐMST: 0,920), chứng tỏ thang đo có độ tin cậy nội tại cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu. Bên cạnh đó, kiểm định KMO & Bartlett của các biến đều cho giá trị KMO lớn hơn 0,7 và có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa Sig. = 0,000, khẳng định dữ liệu thích hợp để phân tích nhân tố ở ngưỡng tin cậy 95%. Ngoài ra, các giá trị bình phương trích xuất của thành tố

thứ nhất cho mỗi biến đều trên 50% (CDS: 68,073%; PTBV: 69,407%; ĐMST: 80,695%), cho thấy các thành tố chính có khả năng giải thích hơn 50% thông tin của các biến quan sát. Từ kết quả kiểm định này, có thể khẳng định độ tin cậy của các thang đo nghiên cứu được sử dụng trong bài này, để tiến hành phân tích hồi quy.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích hồi quy cùng với các kiểm tra đa cộng tuyến được trình bày trong bảng 3 dưới đây. Theo đó, thống kê F của mô hình đạt giá trị 44,729 với p-value (Sig.) = 0,000, chứng tỏ rằng mô hình phù hợp với dữ liệu thu thập và các biến giải thích có ý nghĩa thống kê. Giá trị R bình phương hiệu chỉnh đạt 0,402 và hệ số Durbin-Watson bằng 1,968 đạt mức phù hợp để chấp nhận mô hình nghiên cứu. Kết quả kiểm tra đa cộng tuyến cho thấy giá trị VIF của tất cả các biến đều nhỏ hơn 2, đảm bảo rằng không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy. Những kết quả này khẳng định tính tin cậy của mô hình hồi quy và tiếp tục kiểm định phân tích chi tiết các giả thuyết nghiên cứu đã đề xuất. Cụ thể:

*Về tác động của chuyển đổi số*, kết quả hồi quy ở bảng 3 cho thấy biến CDS có tác động tích cực đến biến phụ thuộc đổi mới sáng tạo (ĐMST) ở ngưỡng tin cậy 95% (Coef. = 0,106 & P = 0,022). Như vậy, *giả thuyết H1 được khẳng định đúng*: các doanh nghiệp Việt Nam càng triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số thì đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cũng càng cao. Mối quan hệ này nhấn mạnh vai trò quan trọng của chuyển đổi số như một động lực thúc đẩy đổi mới, cho phép các công ty hiện đại hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả và mở ra cơ hội mới trong phát triển sản phẩm và dịch vụ.

**Bảng 3:** Kết quả phân tích hồi quy

	Hệ số chưa chuẩn hóa		t	Sig.	Đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn			Dung sai	VIF
(hệ số)	0.120	0.131	0.917	0.360		
X1	0.106*	0.046	2.305	0.022	0.862	1.160
X2	-0.220***	0.046	-4.822	0.000	0.881	1.136
X1*X2	0.577***	0.044	13.189	0.000	0.922	1.084
X3	0.002	0.032	0.077	0.939	0.988	1.012
X4	0.013	0.037	0.356	0.722	0.988	1.012

R = 0,641; R<sup>2</sup> = 0,411; R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,402; Durbin-Watson = 1,968

Sai số = 0,773; F = 44,729; Sig. = 0,000.

\* có ý nghĩa thống kê với p < 0,05;  
 \*\* có ý nghĩa thống kê với p < 0,01;  
 \*\*\* có ý nghĩa thống kê với p < 0,001.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Trong những năm gần đây, ngày càng nhiều doanh nghiệp Việt Nam nhận thức rằng chuyển đổi số không chỉ cần thiết để tối ưu hóa quy trình kinh doanh mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại, bao gồm hệ thống tự động hóa, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn, giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng tốt hơn với bối cảnh thị trường đang thay đổi nhanh chóng. Triển khai các công nghệ này cho phép các công ty tối ưu hóa hoạt động và nâng cao khả năng quản lý dữ liệu, từ đó tạo ra nền tảng thuận lợi cho việc phát triển ý tưởng và giải pháp sáng tạo. Chẳng hạn, các doanh nghiệp tận dụng dữ liệu lớn có thể đưa ra quyết định chính xác hơn và nhận diện các xu hướng mới, từ đó phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ độc đáo. Như vậy, chuyển đổi số không chỉ là công cụ

cải thiện hoạt động mà còn là chất xúc tác cho đổi mới, giúp doanh nghiệp cạnh tranh hiệu quả hơn trên thị trường.

Hơn nữa, nghiên cứu cho thấy các khía cạnh khác nhau của chuyển đổi số có ảnh hưởng khác nhau đến đổi mới, trong đó một số công nghệ thúc đẩy những loại đổi mới cụ thể mạnh mẽ hơn các công nghệ khác. Chẳng hạn, AI và phân tích dữ liệu lớn không chỉ nâng cao khả năng dự báo mà còn đẩy nhanh quy trình nghiên cứu và phát triển (R&D), dẫn đến những đổi mới mang tính đột phá. Ngược lại, các công cụ quản lý kỹ thuật số như hệ thống lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tối ưu hóa hoạt động nội bộ và cải thiện ra quyết định, từ đó tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của đổi mới từ bên trong. Tác động đa dạng này đến các chức năng kinh doanh cho thấy chuyển đổi số

không chỉ giới hạn ở những cải tiến kỹ thuật mà còn định hình lại cách thức doanh nghiệp hoạt động, hợp tác và đổi mới. Những phát hiện này củng cố quan điểm rằng chuyên đổi số là yếu tố không thể thiếu trong việc thúc đẩy văn hóa cải tiến liên tục và sáng tạo, điều thiết yếu cho khả năng cạnh tranh và tăng trưởng bền vững trong môi trường kinh doanh năng động hiện nay.

**Về tác động của thực hiện cam kết phát triển bền vững**, theo phân tích hồi quy ở bảng 3, biến PTBV có tác động tiêu cực đến biến phụ thuộc đổi mới sáng tạo (ĐMST) ở ngưỡng tin cậy 95% (Coef. = -0,220 & P = 0,000). Như vậy, kết quả này *không cho phép khẳng định giả thuyết H2*. Thực tế ưu tiên phát triển bền vững có thể tác động tiêu cực đến đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp, đặc biệt khi các nỗ lực phát triển bền vững được tập trung vào ngắn hạn. Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững thường yêu cầu nhiều nguồn lực và sự chú ý, như giảm thiểu tác động đến môi trường và nâng cao trách nhiệm xã hội. Trọng tâm này có thể chuyển hướng nguồn lực khỏi các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), từ đó hạn chế khả năng đầu tư vào sản phẩm và quy trình mới của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV), gặp khó khăn trong việc cân bằng các mục tiêu phát triển bền vững với đổi mới sáng tạo do nguồn lực hạn chế.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với thách thức trong việc cân nhắc lợi nhuận cùng trách nhiệm môi trường và xã hội. Ưu tiên phát triển bền vững thường dẫn đến sự đánh đổi, trong đó hiệu quả kinh doanh ngắn hạn bị hy sinh, làm giảm nguồn vốn dành cho đổi mới sáng tạo. Vấn đề này càng nghiêm trọng do thiếu các ưu đãi hoặc

hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ, khiến doanh nghiệp khó theo đuổi đồng thời tính bền vững và đổi mới sáng tạo. Tuân thủ các tiêu chuẩn phát triển bền vững nghiêm ngặt có thể hấp thụ nguồn lực vốn có thể được sử dụng cho các hoạt động đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong ngắn hạn, làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Cuối cùng, các phát hiện chỉ ra rằng trong khi tính bền vững đóng vai trò quan trọng, ưu tiên ngay lập tức có thể tạo ra trở ngại cho đổi mới. Thiếu hụt nguồn lực hoặc chính sách hỗ trợ có thể khiến doanh nghiệp phải lựa chọn giữa tính bền vững và đổi mới, thường dẫn đến cái giá phải trả cho đổi mới. Cân bằng giữa các ưu tiên này vẫn là một thách thức đáng kể, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**Về tác động cộng hưởng của chuyển đổi số và cam kết thực hành phát triển bền vững**, kết quả hồi quy ở bảng 3 cho thấy biến tương tác CDS\*PTBV có tác động tích cực đến biến phụ thuộc đổi mới sáng tạo (ĐMST) ở ngưỡng tin cậy 95% với hệ số Coef. = 0,577 & P = 0,000, lớn hơn nhiều so với hệ số tác động của hai biến CDS và PTBV khi đứng độc lập. Điều này hàm ý rằng các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện đồng thời chuyển đổi số và các hoạt động phát triển bền vững thì đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp cũng càng cao. Như vậy, *giả thuyết H3 được khẳng định đúng*. Kết quả này hàm ý rằng các doanh nghiệp Việt Nam, khi áp dụng đồng thời sáng kiến chuyển đổi số và phát triển bền vững, sẽ đạt được lợi thế cộng hưởng trong đổi mới sáng tạo. Chuyển đổi số cung cấp các công cụ tiên tiến giúp truy cập thông tin nhanh hơn, phân tích dữ liệu toàn diện và tối ưu hóa quy trình, trong khi cam kết về tính bền vững khuyến khích các công ty tạo ra các giải

pháp có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Chẳng hạn, ứng dụng công nghệ như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn có thể tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải, dẫn đến phát triển sản phẩm bền vững hơn. Sự tích hợp này không chỉ đáp ứng các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn mà còn tạo ra giá trị dài hạn thông qua việc nâng cao quản lý môi trường.

Tác động cộng hưởng của chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững thường mạnh nhất ở những doanh nghiệp có chiến lược đổi mới sáng tạo hiện đại và tiếp cận thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp này thường đối mặt với các tiêu chuẩn cao hơn từ thị trường toàn cầu, thúc đẩy quá trình đổi mới liên tục. Bằng cách liên kết các tiến bộ kỹ thuật số với các mục tiêu phát triển bền vững, những doanh nghiệp này không chỉ tuân thủ các yêu cầu quốc tế mà còn nâng cao khả năng cạnh tranh toàn cầu. Sự liên kết này trở nên đặc biệt quan trọng khi các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nơi các hoạt động kỹ thuật số và bền vững trở thành yếu tố cơ bản. Nhìn chung, việc áp dụng hài hòa công nghệ kỹ thuật số và nguyên tắc phát triển bền vững sẽ chuyển đổi hoạt động kinh doanh và quản lý, mang lại lợi thế đáng kể trong việc thích ứng với các thách thức hiện đại và đạt được thành công lâu dài.

### **5. Giải pháp**

Từ kết quả nghiên cứu tìm ra, bài viết đề xuất một số giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo *đối với các doanh nghiệp Việt Nam*. Đầu tiên, doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch chuyển đổi số chiến lược, phù hợp với nhu cầu và nguồn lực riêng. Chiến lược này nên bao gồm lộ trình rõ ràng, với các mục tiêu cụ thể và ưu tiên đầu tư vào các công nghệ

chủ chốt như điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo.

Thứ hai, cần thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo là điều thiết yếu. Các tổ chức cần xây dựng môi trường coi trọng sáng tạo, chấp nhận rủi ro và khuyến khích học hỏi liên tục. Điều này bao gồm việc khuyến khích chia sẻ ý tưởng, thử nghiệm và tạo dựng nền tảng phản hồi cùng hợp tác.

Thứ ba, các doanh nghiệp Việt Nam cần chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực cần, tập trung nâng cao kỹ năng số và khả năng phân tích của nhân viên thông qua các chương trình đào tạo và hội thảo có mục tiêu. Cung cấp cơ hội học tập liên tục giúp nhân viên cập nhật các công nghệ mới nổi và cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề.

Cuối cùng, doanh nghiệp cần xây dựng và triển khai chiến lược tích hợp chuyển đổi số với các mục tiêu phát triển bền vững hướng tới phát triển các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời tạo ra giá trị cho các bên liên quan. Điều này bao gồm kết hợp các hoạt động bền vững vào các chiến lược số, đảm bảo rằng tiến bộ công nghệ đồng hành với trách nhiệm về môi trường và xã hội.

*Đối với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước*, thứ nhất, cần tăng cường khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách cho chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng. Chính phủ cần tạo ra môi trường hỗ trợ bằng cách cải thiện cơ sở hạ tầng, đơn giản hóa các quy định và cung cấp ưu đãi nhằm khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ số và đổi mới.

Thứ hai, triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính và phi tài chính có thể mang lại lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp. Cung cấp ưu đãi thuế, trợ cấp, đào tạo và dịch vụ tư vấn, cùng với tạo điều kiện kết nối đầu tư cho các

công ty tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới công nghệ, sẽ hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động này.

Thứ ba, tăng cường và hỗ trợ đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) là điều cần thiết, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và bền vững. Các khoản đầu tư này sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia thông qua việc thúc đẩy tiến bộ công nghệ và các hoạt động bền vững.

Cuối cùng, thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp, cơ quan chính phủ, trường đại học và viện nghiên cứu rất quan trọng. Tận dụng nguồn lực và chuyên môn từ các thực thể này có thể gia tăng tác động của các dự án chuyển đổi số và đổi mới.

## **6. Kết luận**

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững đều có tác động đến đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt Nam. Cụ thể, chuyển đổi số không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến mà còn thúc đẩy sự sáng tạo trong việc phát triển sản phẩm và dịch vụ mới. Tuy nhiên, cam kết phát triển bền vững, qua việc tích hợp các nguyên tắc bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, lại giới hạn cơ hội đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Đặc biệt, nghiên cứu phát hiện sự cộng hưởng tích cực giữa hai yếu tố này, cho thấy rằng sự kết hợp giữa chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững có thể tạo ra động lực mạnh mẽ hơn cho đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

*Về mặt lý thuyết*, nghiên cứu đóng góp vào hiểu biết về mối quan hệ giữa chuyển đổi số, cam kết phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức chuyển đổi số không chỉ nâng cao hiệu quả

hoạt động mà còn thúc đẩy sự sáng tạo, đồng thời làm rõ vai trò của cam kết phát triển bền vững trong việc hình thành các giải pháp đổi mới sáng tạo. Những kết quả này làm phong phú thêm cơ sở lý thuyết về sự kết hợp giữa công nghệ và trách nhiệm xã hội trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cung cấp một nền tảng vững chắc cho các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực này.

*Về mặt quản lý*, nghiên cứu cung cấp những gợi ý thiết thực cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc xây dựng đổi mới sáng tạo phát triển tích hợp chuyển đổi số và phát triển bền vững. Các khuyến nghị chính bao gồm việc đầu tư vào công nghệ số, tích hợp các nguyên tắc phát triển bền vững vào chiến lược đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Những gợi ý này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn cải thiện sức cạnh tranh và khả năng sáng tạo trên thị trường.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng có một số hạn chế. Thứ nhất, mẫu nghiên cứu gồm 362 doanh nghiệp tại Việt Nam, do đó kết quả có thể không hoàn toàn áp dụng cho các quốc gia khác với bối cảnh khác nhau. Thứ hai, nghiên cứu tập trung vào chuyển đổi số và cam kết phát triển bền vững, tạm bỏ qua các yếu tố nội bộ khác như văn hóa tổ chức hay trình độ nhân sự. Định hướng nghiên cứu tương lai có thể bao gồm việc mở rộng phạm vi nghiên cứu ra các quốc gia khác để kiểm chứng tính tổng quát của kết quả, cũng như điều tra sâu hơn về các yếu tố nội tại khác của doanh nghiệp và cách chúng ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa chuyển đổi số, cam kết phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. ◆

***Tài liệu tham khảo:***

Ardito L., Raby S., Albino V., Bertoldi B. (2021), The duality of digital and environmental orientations in the context of SMEs: Implications for innovation performance, *Journal of Business Research*, Volume 123, Pages 44-56.

Azar G., Ciabuschi F. (2017), Organizational innovation, technological innovation, and export performance: The effects of innovation radicalness and extensiveness, *International Business Review*, 26(2), 324-336.

Banerjee S. B. (2002), Corporate environmentalism: The construct and its measurement, *Journal of Business Research*, 55(3), 177-191.

Cheng C. C. J. (2020), Sustainability orientation, green supplier involvement, and green innovation performance: Evidence from diversifying green entrants, *Journal of Business Ethics*, 161(2), 393-414.

Đoàn Bảo Sơn, Hà Minh Trí, Hồ Nguyễn Công Trình (2023), Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, vốn trí tuệ và hiệu quả đổi mới: Bằng chứng từ ngành thông tin và truyền thông (ICT) ở Thành phố Hồ Chí Minh, *Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, no.2 - tr.73-85.

Liu J., Yang W., Liu W. (2021), Adaptive capacity configurations for the digital transformation: a fuzzy-set analysis of Chinese manufacturing firms, *Journal of Organizational Change Management*, 34(6), pp. 1222-1241.

Nguyễn Kim Thảo, Lê Thị Hồng Minh (2022), Nghiên cứu khám phá về chuyển đổi số của các doanh nghiệp Việt Nam trong khu vực xuất nhập khẩu, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, Số 3, 42-58.

Nidumolu R., Prahalad C., Rangaswami M. (2009), Why sustainability is now the key driver of innovation, *Harvard Business Review*, 87(9), 56-64.

Phùng Anh (2022), Chuyển đổi số doanh nghiệp vừa và nhỏ: “Vũ khí” để đổi mới và phục hồi sau đại dịch, *Tạp chí Công nghệ thông tin và truyền thông*, no.01 - tr.34-39.

Verhoef P. C. (2021), Digital transformation: A multidisciplinary reflection and research agenda, *Journal of Business Research*, 122, pp. 889-901.

**Summary**

This paper analyzes the impact of digital transformation and sustainable development commitment on innovation within Vietnamese enterprises. Using regression analysis with a sample of 362 enterprises, the research results reveal that digital transformation positively influences innovation, while sustainable development efforts may introduce certain short-term constraints. However, the integration of these two factors generates a strong positive synergistic effect that drives innovation within enterprises. These findings offer a dynamic perspective for Vietnamese enterprises, underscoring the role of digital transformation in enhancing innovation and encouraging the concurrent pursuit of sustainability to build long-term competitive advantages. Based on these results, we propose managerial recommendations for Vietnamese enterprises and policy recommendations for the Government to promote digital transformation, sustainable development, and innovation in enterprises.